TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài .

2. Bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Sản - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2026/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh ngày 23/12/1980

Nơi cư trú: Khu L, xã T, thành phố Hải Phòng; CCCD số 030180003942.

2. Bị đơn: Anh **Lã Huy T**, sinh ngày 10/7/1978

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu L, xã T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc; CCCD số 030078014363.

Các đương sự vắng mặt (chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Lã Huy T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 03/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến khi chị sinh con đầu lòng thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, anh T còn thường xuyên gọi điện về liên lạc, hỏi thăm gia đình. Sau đó đến khoảng đầu năm 2009, anh T có về nước thăm gia đình và cùng chị sinh con trai thứ hai thì anh T đi sang Hàn

Quốc làm ăn. Đến khoảng năm 2011, anh T về nước một lần nữa, lúc đó chị nhớ là thời điểm bố chồng chị mất, sau khi xong công việc ma chay cho bố chồng xong, anh T tiếp tục đi Hàn Quốc từ đó đến nay không trở về lần nào nữa. Quãng thời gian từ đó đến nay, vợ chồng chị không còn giành tình cảm gì cho nhau, do khoảng cách địa lý xa xôi, mỗi người ở một nơi. Anh T cũng đã không còn ở Hàn Quốc theo diện hợp pháp nữa mà đã trốn ra ngoài làm việc. Kể từ đó vợ chồng chị không còn liên lạc gì với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, sứt mẻ. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Hiện chị và các con cũng đã thuê nhà ra ở riêng, không sống cùng mẹ chồng chị nữa.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người ở một nơi và đều không ai quan tâm đến ai, chị cương quyết xin ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị xác định chị và anh T sinh được 02 con chung là cháu Lã Huy L, sinh ngày 12/6/2003 và Lã Huy L1, sinh ngày 03/11/2009. Đối với cháu L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu L1, hiện vẫn do chị chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định nên khi ly hôn, chị đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị không yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức.

Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Lã Huy T tuy nhiên anh T hiện đang ở Hàn Quốc nên đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm về các nội dung liên quan đến vụ án, tuy nhiên đã có quan điểm thông qua mẹ đẻ của anh.

Bà Bùi Thị L2 (mẹ đẻ của anh Lã Huy T) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Lã Huy T, chị H ở chung với vợ chồng bà. Quá trình chung sống, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh T phải đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc để trang trải cho cuộc sống gia đình. Quãng thời gian anh T ở nước ngoài thì thường xuyên gửi tiền về cho chị H lo toan cuộc sống. Tuy nhiên chị H đã dùng số tiền mà anh T gửi về để làm ăn, kinh doanh nhưng đều bị thua lỗ. Kể từ lúc anh T đi nước ngoài, anh T có về nước vài lần thăm gia đình, lần gần nhất là lúc chồng bà mất năm 2011, anh T về chịu tang, sau khi lo hậu sự xong anh T tiếp tục đi làm ăn ở Hàn Quốc từ đó đến nay chưa về nước lần nào nữa. Bà xác định chị H kể từ ngày về làm dâu, chị ấy chưa làm tròn bổn phận của người con dâu trong gia đình. Bà cũng thấy giữa chị H và anh T nhiều năm nay cũng không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H và anh T, bà đã thông báo toàn bộ nội dung cho anh T biết, anh T cũng đã liên hệ và trao đổi với bà và xác định quan điểm là nhất trí ly hôn với chị H, nhất trí việc chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung vì hiện anh đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh Lã Huy T cũng đề nghị Tòa án

tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án vắng mặt anh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Tại Biên bản xác minh với Trưởng thôn Bất Nạo, xã T, thành phố Hải Phòng xác định*: Chị H và anh T có kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, do anh T đi lao động tại Hàn Quốc còn chị H ở nhà, do khoảng cách địa lý xa xôi, anh T cũng nhiều năm không về nước nên vợ chồng không còn quan tâm và giành tình cảm cho nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Lã Huy T. Giao con chung là Lã Huy L1, sinh ngày 03/11/2009 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị đã nộp tạ Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, biên lai số 0008052 ngày 30/6/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nhận thấy đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn ở xã T, thành phố Hải Phòng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.2] Theo cung cấp của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố H thì bị đơn là anh Lã Huy T xuất cảnh gần nhất ngày 15/3/2011 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, phù hợp với lời khai của chị H, mẹ đẻ anh T. Chị H và gia đình anh Lã Huy T cũng xác định anh Lã Huy T hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc nhưng đều không cung cấp được địa chỉ cư trú cụ thể ở Hàn Quốc của anh Lã Huy T theo yêu cầu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[1.3] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lã Huy T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 03/11/2002, cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Trình bày của chị H phù hợp với các nội dung cung cấp của bà Bùi Thị L2 *(mẹ đẻ của anh Lã Huy T)* và Trưởng thôn Bất Nạo, nên có căn cứ xác định cuộc sống chung giữa chị H và anh Lã Huy T không còn tình cảm, sự gắn kết từ thời điểm anh T đi xuất khẩu lao động, một phần nguyên nhân do khoảng cách địa lý xa xôi, mỗi người một nơi nên không có điều kiện để kịp thời quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề của cuộc sống dẫn đến tình cảm dần lạnh nhạt. Hiện chị H kiên quyết xin ly hôn, anh Lã Huy T thông qua bà L2 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn chị H. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Lã Huy T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: chị H và anh T có 02 con chung là Lã Huy L, sinh ngày 12/6/2003 và Lã Huy L1, sinh ngày 03/11/2009. Đối với cháu L đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Thông qua bà L2, anh T xác định hiện anh đang lao động ở nước ngoài nên chưa đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thực tế từ khi anh T đi nước ngoài đến nay thì cả hai con vẫn luôn ở cùng với chị H. Vì vậy chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L1 cho tới khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có căn cứ nên được chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Lã Huy T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3] *Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: chị H không yêu cầu giải quyết, anh Lã Huy T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Kim H** được ly hôn anh **Lã Huy T**.

2. Về con chung: Giao con chung là Lã Huy L1, sinh ngày 03/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Anh Lã Huy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/26E số 0008052 ngày 30/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 13- Hải Phòng;
- UBND xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch (CNKH số 51 ngày 03/11/2002);
- Lưu: hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Quang Khuyến